

PHƯƠNG PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY VÀ HỌC TỪ VỰNG TRONG THI NĂNG LỰC TIẾNG HÀN

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH¹

NGUYỄN ĐỨC LONG²

Abstract: Teaching and learning vocabulary plays an extremely important role in the process of learning Korean and taking the Korean Test of Proficiency. However, when studying a higher level, students often have difficulty in learning and remembering vocabulary, leading to a lack of vocabulary that may appear in the Test of Proficiency in Korean. To solve this problem, the author proposes raising students' awareness of the importance of vocabulary, and at the same time proposes methods and strategies to expand vocabulary for students. These include method of learning and expanding words based on the relationship between vocabulary and reading; method of teaching and learning vocabulary by characteristics (relating to word structure, meaning and sociolinguistic characteristics). It is hoped that the study will help teachers and students find the most effective way to teach and learn vocabulary.

Key words: *Korean language, teaching and learning vocabulary, method, expanding vocabulary, features.*

1. Đặt vấn đề

Dạy và học từ vựng đóng vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình học ngoại ngữ nói chung và tiếng Hàn nói riêng. Có thể nói đối tượng tiếp cận đầu tiên khi chúng ta bắt đầu học ngoại ngữ là từ vựng. Từ vựng chính là nền tảng căn bản, là công cụ cơ bản để người học học phát âm, học ngữ pháp và luyện tập kết hợp giữa các từ với cấu trúc ngữ pháp để tạo thành đơn vị câu trong giao tiếp và trong văn bản. Từ vựng là nền tảng để phát triển các kỹ năng ngôn ngữ khác như nghe, nói, đọc, viết... Sinh viên hay người học ngoại ngữ khi học lên trình độ càng cao sẽ càng gặp khó khăn trong việc ghi nhớ và vận dụng từ mới. Việc thiếu vốn từ vựng là nguyên nhân chủ yếu gây trở ngại cho người học không chỉ khi học các kỹ năng tiếng như kỹ năng nghe, đọc... mà còn khi thi kiểm tra năng lực ngoại ngữ. Nhận thức được tầm quan trọng này cả giáo viên và sinh viên cũng như những người học Tiếng Hàn phải chú trọng đến phương pháp nâng cao chất lượng dạy và học từ vựng. Việc học từ vựng hiệu quả sẽ giúp cho sinh viên có thể làm tốt bài thi năng lực ngoại ngữ tiếng Hàn.

Do đó, để giúp sinh viên nói riêng và người học tiếng Hàn nói chung áp dụng tốt kiến thức, đạt kết quả cao trong kì thi năng lực tiếng Hàn, chúng ta cần tìm ra phương pháp nâng cao chất lượng dạy và học từ vựng sao cho hiệu quả nhất. Dưới đây là một vài đề xuất của tác giả trong bài viết này:

- Nâng cao nhận thức của người học tiếng Hàn về tầm quan trọng của từ vựng.
- Các phương pháp và chiến lược mở rộng vốn từ cho sinh viên.
- + Phương pháp học và mở rộng từ thông qua mối quan hệ giữa từ vựng và việc đọc hiểu.
- + Phương pháp dạy và học từ vựng theo đặc trưng của từ vựng tiếng Hàn.

^{1,2} Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

2. Cơ sở lí thuyết

2.1. Từ vựng và tầm quan trọng của từ vựng

Tác giả Lee Ik Seop khẳng định rằng từ vựng là một khối từ đóng vai trò tế bào được sử dụng trong việc xây dựng và nhận biết ý nghĩa của câu nói [7]. Theo tác giả Kim Kwang Hee, từ vựng không chỉ được hiểu trong phạm vi nghĩa của từ mà còn bao hàm cách thức từ vựng được kết cấu trong một ngôn ngữ cụ thể. Đó là cách người ta sử dụng và lưu trữ từ vựng, và cách họ học từ cũng như mối quan hệ giữa các từ, cụm từ, các nhóm từ và nhóm cụm từ. Với khái niệm từ vựng là đơn vị nhỏ nhất dùng để giao tiếp, người học càng có nhiều từ vựng, thì họ có khả năng hoàn thiện các kĩ năng giao tiếp, cụ thể là kĩ năng nói, nghe, đọc, và viết [4]. Theo Jo Hyun Yong, khi người học phát triển được vốn từ của mình thì họ có thể vẫn có thể hiểu được văn bản nhờ sự suy diễn nghĩa của những từ không biết trong những văn cảnh rõ ràng và đầy đủ [6].

Từ vựng hết sức quan trọng vì nó truyền tải quan điểm, tư tưởng của người sử dụng ngôn ngữ. Ngữ pháp kết hợp từ lại với nhau nhưng hầu như ý nghĩa lại ở trong từ ngữ. Người càng biết được nhiều từ thì việc giao tiếp sẽ càng được nhiều hơn. Trong việc học và dạy ngoại ngữ nói chung, tiếng Hàn Quốc nói riêng, vốn từ vựng luôn đóng một vai trò quan trọng vì tất cả người học cần tiếp thu một số lượng từ nhất định để giao tiếp với người khác. Khi sinh viên muốn cải thiện trình độ tiếng Hàn của mình để sử dụng trôi chảy và chính xác hơn, họ cần phải tiếp thu kiến thức từ vựng hiệu quả hơn và nâng cao chiến lược học từ vựng của mình. Tác giả Kim Eun Hye [5] cũng tuyên bố rằng “các vấn đề về từ vựng thường gây trở ngại cho giao tiếp; giao tiếp bị phá vỡ khi mọi người không sử dụng đúng từ”. Điều này làm nổi bật tầm quan trọng của từ vựng trong việc giảng dạy trên lớp, vì nếu không có từ vựng thì việc giao tiếp chắc chắn sẽ gặp nhiều trở ngại.

2.2. Thi năng lực tiếng Hàn Quốc

Test of Proficiency in Korean - viết tắt là TOPIK là kì thi đánh giá năng lực tiếng Hàn quen thuộc nhất đối với người học tiếng Hàn trên toàn thế giới. Kì thi TOPIK hàng năm do Viện Giáo dục quốc tế Quốc gia Hàn Quốc tổ chức với đối tượng là những người nước ngoài, sống bên ngoài lãnh thổ Hàn Quốc hoặc những kiều bào Hàn Quốc sử dụng tiếng Hàn Quốc không như tiếng mẹ đẻ của mình. Kì thi được chia thành hai bài thi là TOPIK I (cấp độ 1, 2 - sơ cấp), TOPIK II (cấp độ 3, 4, 5, 6 - trung cao cấp). Trong bài thi TOPIK I gồm bài thi thành phần kĩ năng đọc và nghe. Trong bài thi TOPIK II gồm bài thi thành phần kĩ năng nghe, viết và đọc. Có thể thấy, trong kì thi TOPIK không có bài thi thành phần đánh giá năng lực từ vựng riêng biệt. Tuy nhiên, từ vựng lại đóng vai trò quan trọng và quyết định nhiều đến sự thất bại hay thành công của bài thi khi số lượng từ vựng phục vụ cho thi năng lực tiếng Hàn đến cấp 1 là 600 từ, cấp 2 là 1.000 từ, cấp 3 là 2.000 từ, cấp 4 là 3.000 từ, cấp 5-6 phải tích lũy 4.000-5.000 từ [8].

3. Giải quyết vấn đề

3.1. Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của từ vựng

Với những nội dung đã được đề cập đến trong phần đặt vấn đề, chúng ta đều nhận thấy tầm quan trọng của từ vựng khi học bất cứ một ngoại ngữ nào. Từ vựng là công cụ giúp người học có khả năng thiết lập và thành công trong giao tiếp cũng như soạn thảo văn bản. Nếu thiếu từ vựng, người học không có khả năng đọc thêm các tài liệu nâng cao vì vậy họ sẽ mất đi cơ hội mở rộng vốn từ vựng của mình. Hơn nữa các kĩ năng ngôn ngữ cũng bị ảnh hưởng và khó phát triển nếu thiếu vốn từ vựng cần thiết. Chính vì tầm quan trọng và cần thiết như vậy chúng ta cần nâng cao hơn nữa vai trò của từ vựng

trong nhận thức của sinh viên để các em có ý thức hơn và tự tìm ra cách học từ một cách có hệ thống và hiệu quả hơn. Việc giáo viên và sinh viên nhận thức được tầm quan trọng và mức độ cần thiết của từ vựng đối với việc học ngoại ngữ là bước căn bản để phát triển và cải tiến hiệu quả dạy và học ngoại ngữ. Bởi sau khi hiểu và nhận thức được, chúng ta sẽ có những hành động tích cực để đạt được mục tiêu. Để làm được điều này ngay từ những buổi học ban đầu khi bắt đầu tiếp cận với từ vựng, giáo viên cần nhấn mạnh hơn, hướng dẫn các em học từ theo cụm, theo nhóm từ và luôn có thói quen tạo thành quyền sở tay từ vựng của riêng mình. Không chỉ có người học hay sinh viên mà bản thân chúng ta những người thực hiện giảng dạy cũng phải nhận thức được sâu sắc hơn tầm quan trọng và sự ảnh hưởng, khả năng chi phối và tác động của từ vựng rất lớn đến các khả năng không chỉ ở các môn thực hành tiếng như nghe nói, đọc, viết tiếng Hàn mà chi phối tới cả kỹ năng dịch các văn bản tiếng Hàn. Để từ đó giáo viên sẽ nỗ lực hơn trong việc giảng dạy, phát triển từ vựng cho sinh viên.

3.2. Các phương pháp và chiến lược mở rộng vốn từ cho sinh viên

Theo khung chương trình giảng dạy tiếng Hàn của Khoa Tiếng Hàn, Trường Ngoại ngữ - Du lịch, Đại học Công nghiệp Hà Nội cũng như theo phương pháp truyền thống, từ vựng không được dạy thành kỹ năng riêng mà được dạy xen kẽ, lồng ghép trong các giờ học ngữ pháp, nghe, nói, đọc và viết. Do đó ngay từ đầu trong các giờ học ngữ pháp, nghe, nói, đọc, viết chúng ta cần phải tìm ra các phương pháp học và mở rộng vốn từ cho sinh viên.

Chúng ta không khuyến khích sinh viên học từ vựng bằng cách học thuộc lòng từ mới. Từ vựng không nên chỉ học thuộc máy móc mà nên đặt từ đó trong ngữ cảnh giao tiếp. Vì khi học từ theo ngữ cảnh, sinh viên không chỉ biết cách sử dụng từ với nghĩa gốc của nó mà còn biết sử dụng nhiều hình thái ngữ pháp khác nhau của từ trong các tình huống giao tiếp thực tế, đa dạng.

Có nhiều phương pháp và chiến lược áp dụng để phát triển vốn từ vựng cho sinh viên. Ở bài viết này tác giả mạnh dạn đưa ra một vài phương pháp như sau:

3.2.1. Phương pháp học và mở rộng từ thông qua mối quan hệ giữa từ vựng và việc đọc hiểu

Rất nhiều các nghiên cứu về giảng dạy và kiến thức từ vựng cho thấy sự tương tác mạnh mẽ giữa việc hiểu từ vựng và lĩnh hội văn hóa. Nếu người học hạn chế về từ vựng hay sử dụng chiến lược học không hiệu quả thì họ sẽ gặp khó khăn trong việc đọc. Vốn từ vựng phong phú sẽ làm tăng thêm sự hiểu biết của người học và sẽ giúp cho các kỹ năng ngôn ngữ có liên quan phát triển. Ngoài ra, nếu có vốn từ vựng rộng thì người học sẽ đọc nhanh hơn, dễ dàng hơn và tạo hứng thú cho họ muốn đọc và tìm hiểu nhiều hơn. Đọc nhiều sẽ tích lũy thêm được rất nhiều từ và cũng là một cách học từ rất hiệu quả. Hơn nữa, đọc hiểu cũng là một kỹ năng rất quan trọng trong quá trình học tiếng Hàn. Như vậy, người học vừa học và mở rộng được vốn từ lại vừa phát triển được kỹ năng đọc hiểu.

Ví dụ: *상큼한 그녀 향기의 비결!* (*Bí quyết mùi hương thơm mát của cô ấy*)

건강하게 빛나는 풍성한 머릿결! (*Mái tóc dày, khỏe mạnh lấp lánh ánh nắng*)

Trên đây là ví dụ quảng cáo về dầu gội đầu của Hàn Quốc. Khi so sánh mái tóc óng mượt của cô gái, người Hàn Quốc thường ví von với ánh mặt trời thay vì so sánh với “suối tóc mềm mại” của người Việt Nam. Thông qua đó chúng ta cũng có thể biết thêm được rằng văn hóa tôn sùng mặt trời của người Hàn Quốc vẫn luôn duy trì, kể từ xưa kia khi có thần thoại dựng nước “Ju Mông”, nhân vật chính Ju Mông cũng đã được sinh ra bởi ánh mặt trời.

Thông qua việc thường xuyên tự đọc các văn bản tiếng Hàn, người học sẽ có cơ hội tiếp xúc với những từ vựng hiếm khi được sử dụng trong giao tiếp bằng lời và sẽ dễ dàng hiểu được nghĩa dựa vào

ngữ cảnh của văn bản. Việc học từ vựng trong ngữ cảnh là một yếu tố quan trọng giúp chúng ta mở rộng vốn từ, vì thế cả giáo viên và sinh viên cần chú ý sử dụng trong giờ học. Giáo viên có thể dạy, giải thích từ vựng trong ngữ cảnh bằng cách hướng dẫn sinh viên sử dụng các gợi ý trong câu để suy luận ra nghĩa của từ vựng trong các bài đọc ở trên lớp. Giáo viên có thể đưa ra các tình huống để làm rõ nghĩa của từ cũng như ngữ cảnh sử dụng từ để giúp sinh viên nắm rõ và sử dụng chính xác từ, đồng thời thoát khỏi việc phụ thuộc hoàn toàn vào từ điển. Việc dạy cho sinh viên cách nhận ra những gợi ý trong ngữ cảnh giúp họ có thể sử dụng phương pháp này khi tự đọc. Hơn nữa, những từ vựng được học từ các ngữ cảnh, tình huống giao tiếp tiếng Hàn cụ thể đó sẽ giúp cho người học dễ hiểu, dễ tiếp nhận và nhớ được từ rất lâu qua những tác động tới sự liên tưởng. Phương pháp dạy từ dựa vào ngữ cảnh không đòi hỏi phải có bất cứ tài liệu riêng biệt hay sự đào tạo đặc biệt nào đối với giáo viên mà chúng ta có thể áp dụng dễ dàng ở trên lớp.

Ví dụ: “퇴고”란 글을 다 쓴 다음 글을 다시 확인하여 잘못된 곳을 고치고, 부족한 곳을 더 낫게 다듬는 일을 말한다. (“Hiệu đính” là công việc đọc lại bài viết và sửa lỗi sai, trau chuốt câu chữ những phần còn thiếu sót).

Trên đây là 1 ví dụ về bài đọc hiểu liên quan đến định nghĩa cụm từ 퇴고, ở đây người đọc (người học) không hiểu nghĩa chính xác của cụm từ này, nhưng sau khi đọc phần lí giải thì có thể hiểu nghĩa của cụm từ này là “chỉnh sửa bản thảo cho hoàn thiện hơn” và có thể suy luận ra thuật ngữ chuyên môn là “hiệu đính” mà không cần sử dụng đến từ điển.

Như vậy, không thể phủ nhận được mối quan hệ giữa việc đọc và việc học cũng như việc mở rộng từ vựng và tầm quan trọng của việc đọc đối với việc phát triển từ cho sinh viên. Và việc sử dụng truyện ngắn hay những bài viết ngắn về chủ đề văn hóa là cách tốt nhất để đạt được mục tiêu này. Sử dụng truyện ngắn có thuận lợi đối với người đọc, đó là giúp cho việc đọc hiểu của người đọc trở nên thú vị, dễ dàng hơn, đồng thời mở rộng vốn từ vựng cho họ một cách tự nhiên. Văn học dưới hình thức truyện ngắn là kho tàng giàu có về từ vựng và về cách thể hiện ngôn ngữ phong phú. Sử dụng truyện ngắn trong giảng dạy, giáo viên có cơ hội thuận lợi cho dạy từ vựng trong ngữ cảnh. Sinh viên vì thế sẽ nhớ từ vựng lâu hơn so với những từ vựng được dạy tách rời ngữ cảnh. Nhưng để thực sự hiểu nghĩa và ghi nhớ được từ, sinh viên phải sử dụng từ nhiều lần trong ngữ cảnh tương tự và được sử dụng trong tất cả các hoạt động nghe, nói, đọc và viết. Hơn nữa truyện ngắn là một trong những nguồn tài liệu chứa đựng nhiều giá trị văn hóa nên khi đọc truyện ngắn sinh viên sẽ có cơ hội khám phá nét văn hóa tồn tại và tiềm ẩn trong ngữ liệu này.

Như vậy, trong quá trình học tiếng Hàn, sinh viên không chỉ cần học từ tiếng Hàn mà còn cần học cả kiến thức văn hóa nền tảng và cách sử dụng từ vựng trong ngữ cảnh để hiểu được nghĩa của từ. Cách dạy và học này còn làm cho sinh viên độc lập suy nghĩ và chủ động trong việc học. Bởi vì khi đọc người đọc sẽ cố gắng tìm nghĩa của từ trong ngữ cảnh, chính cách này cũng phát huy được khả năng suy nghĩ độc lập và chủ động của họ và dần bỏ qua thói quen phụ thuộc hoàn toàn vào từ điển như hiện nay của nhiều sinh viên. Chính vì truyện ngắn mang lại nhiều lợi ích cho việc dạy và học từ vựng nên nếu có thể giáo viên nên tích cực sử dụng nó làm tài liệu giảng dạy thường xuyên và người học nên nhận thức và có ý thức tự tìm đọc thêm để mở rộng vốn từ hơn nữa.

Ví dụ:

“야호! 이번 주말에도 달팽이 보러 가야지!”

송아는 달팽이를 잘 관찰하고 관찰일기에도 기록해 두었습니다.

자그마한 달팽이는 주로 자갈이나 큰 돌 뒤에 숨어 살았습니다. 그러다가 차츰차츰 밭으로 기어 나왔습니다. 열무 씨앗이 싹을 틔우고부터는 열무 앞에 붙어서 자랐습니다. 일주일이 지나자 달팽이는 콩알만큼 커졌습니다.

Trên đây là trích đoạn trong truyện ngắn “송아의 관찰일기” (Nhật kí quan sát của Songa) của tác giả Yeo Tae Dong. Đoạn này nói về việc quan sát ốc sên lớn lên của cô bé. Trong quá trình đọc, có thể người học không biết rõ nghĩa của một số từ mang tính chất miêu tả như “자그마하다” (nhỏ bé) hay “차츰차츰” (từng chút từng chút) nhưng có thể phán đoán được ra nghĩa do cụm từ “자그마하다” (nhỏ bé) bổ nghĩa cho “달팽이” (ốc sên) và “차츰차츰” (từng chút từng chút) bổ nghĩa cho hành động “기어 나왔다” (bò ra) của ốc sên.

3.2.2. Phương pháp dạy và học từ vựng theo đặc trưng của từ vựng

Khi bắt đầu học bất kì một ngôn ngữ nào, chúng ta đều phải tìm hiểu ngôn ngữ đó thuộc loại hình nào và mỗi loại hình đều có những đặc trưng riêng của nó để từ đó tìm ra cách dạy và học cho phù hợp. Tiếng Hàn Quốc là ngôn ngữ chấp dính nên từ vựng cũng có những đặc trưng riêng khác với các ngôn ngữ khác. Việc học theo đặc trưng của từ vựng là rất cần thiết. Muốn học được từ vựng trước hết cần biết cấu tạo của nó, nó được hình thành và tạo nên như thế nào để từ đó hiểu và nhớ có hệ thống hơn. Theo Kim Kwang Hee, từ vựng tiếng Hàn được phân loại thành từ vựng phái sinh (파생어) và từ ghép (합성어) [3]. Chúng ta sẽ xem xét khái niệm, khái quát cách hình thành từ và tổng hợp một số lượng từ vựng minh họa như sau:

a. Từ phái sinh (파생어)

- Định nghĩa: là từ gồm một từ gốc và các phụ tố đi kèm (gồm cả tiền tố và hậu tố).

- Ví dụ về các từ phái sinh được tạo ra từ cùng một gốc từ:

+ 맨 (không, trần) -: 맨손 (tay trần), 맨발 (chân trần), 맨땅 (đất trống)

+ 만 (cả, đầu) -:만아들 (con trai đầu lòng), 만형 (anh cả), 만딸 (con gái đầu lòng)...

+ 풋 (xanh, non, trẻ con)-: 풋과일 (quả xanh), 풋사랑 (tình yêu trẻ con),...

+ 왼 (trái)-: 왼손 (tay trái), 왼쪽 (phía bên trái),...

+ 암 (cái)-: 암소 (bò cái), 암닭 (gà mái),...

+ 외 (ngoại)-:외할머니 (bà ngoại), 외삼촌 (cậu), 외가 (bên ngoại),...

+ 시 (nhà chồng)-: 시부모 (bố mẹ chồng), 시어머니 (mẹ chồng), 시동생 (em chồng),...

- Ví dụ về từ phái sinh theo từ loại:

(1) Danh từ phái sinh:

+ -이 (việc, cái, độ, chiều...): 넓이 (chiều rộng), 길이 (chiều dài), 높이 (chiều cao),...

+ -ㅁ/음: 웃음 (nụ cười), 믿음 (niềm tin), 기쁨 (niềm vui),...

+ -쟁이 (kẻ, người):멋쟁이 (người đẹp), 거짓말쟁이 (kẻ nói dối), 욕심쟁이 (kẻ tham lam),...

+ -자 (giả, người): 기술자 (kỹ sư), 과학자 (khoa học gia), 학자 (học giả),...

+ -사 (thợ, người): 이발사 (thợ cắt tóc), 미용사 (thợ làm đẹp),...

+ -수 (sĩ): 가수 (ca sĩ), 기수 (kị sĩ),...

(2) Tính từ phái sinh:

+ -롭: 향기롭다 (thơm tho), 해롭다 (có hại),...

+ -답: 정답다 (tình cảm), 꽃답다 (như hoa),...

+ -스럽: 어른스럽다 (già dặn), 복스럽다 (phúc hậu),...

+ -하-: 깨끗하다 (sạch sẽ), 부지런하다 (siêng năng),...

(3) Trạng từ phái sinh:

+ -이: 같이 (cùng với), 많이 (nhiều),...

+ -히: 천천히 (từ từ), 넉넉히 (một cách đầy đủ), 조용히 (một cách trầm tĩnh),...

+ -로: 대대로 (đời đời), 주로 chủ yếu,...

(4) Động từ phái sinh

+ -이/히/리/기 (thức bị động): 쓰이다 (được dùng), 막히다 (bị tắc),... + -이/히/리/기/애/우/구/추 - (thức chủ động): 먹이다 (khiến cho, gây ra), 굳히다 (làm cứng lại), 울리다 (làm ai đó khóc),...

b. Từ ghép (hợp성어)

- Định nghĩa: Từ ghép là các từ vựng được hình thành thông qua sự liên kết giữa những hình thái từ cơ bản.

Có thể chia thành các nhóm từ ghép dựa vào sự liên kết giữa các hình thái từ khác nhau, ví dụ như sau:

- Danh từ + Danh từ: 손목 (cổ tay), 고무신 (giày cao su),...

+ Danh từ + ㅅ + Danh từ: 시냇물 (nước suối), 콧날 (lỗ mũi),...

- Định từ + Danh từ: 새언니 (chị kế), 풋사랑 (tình yêu ngây thơ), 옛날 (ngày xưa),...

- Định từ vị ngữ + Danh từ: 작은 아버지 (chú), 어린이 (trẻ nhỏ),...

- Thân từ của vị ngữ + Danh từ: 늦더위 (cái nóng cuối hè), 접칼 (dao gấp),...

- Trạng từ (Gốc trạng từ) + Danh từ: 곱슬머리 (tóc xoăn), 산들바람 (gió nhẹ),...

- Trạng từ + Trạng từ: 잘못 (không được)

- Danh động từ + Danh từ: 갈림길 (lối rẽ), 디딤돌 (bậc thềm), 비빔밥 (cơm trộn),...

- Danh từ + Động từ (Chủ ngữ + Vị ngữ): 힘들다 (mệt mỏi), 빛나다 (chiếu sáng), 겁나다 (sợ hãi),...

- Danh từ + Động từ (Tân ngữ + Vị ngữ): 힘쓰다 (nỗ lực), 등지다 (quay lưng lại), 선보다 (xem mắt),...

- Danh từ + Động từ (Trạng ngữ + Vị ngữ): 앞서다 (đứng trước), 뒤서다 (đứng sau),...

- Động từ đã chia + động từ: 돌아가다 (trở về), 갈아입다 (thay quần áo), 알아듣다 (nghe hiểu),...

- Gốc động từ + Động từ: 뛰놀다 (đạp mạnh), 부르짖다 (kêu gào),...
- Trạng từ + Động từ: 가로막다 (can ngăn), 잘되다 (trôi chảy), 그만두다 (bỏ dở),...

Thông qua việc giảng dạy nhóm từ biểu hiện theo cấu tạo của từ, người học sẽ nắm được cách hình thành từ vựng từ đó cảm thấy hứng thú hơn, nhớ từ lâu hơn và nhớ có hệ thống. Đối với từ phái sinh (파생어) giáo viên khi dạy cần nhấn mạnh nghĩa gốc của từ và các nguyên tắc phái sinh, sinh viên nắm được điều đó sẽ có thể nâng cao khả năng đoán từ và mở rộng từ. Thông qua việc biết được nguyên tắc hình thành từ ghép (합성어) người học cách dễ dàng và nhanh chóng mở rộng vốn từ mới từ các từ đã được học.

4. Kết luận

Việc dạy và học từ vựng đóng vai trò quan trọng trong quá trình dạy và học ngoại ngữ nói chung và tiếng Hàn nói riêng. Từ vựng không chỉ là công cụ giúp chúng ta có thể tiến hành giao tiếp thành công mà còn là nền tảng để phát triển các kỹ năng ngôn ngữ khác như đọc hiểu, nghe hiểu, nói, viết... Để học từ vựng hiệu quả, người dạy và học cần xem xét, cân nhắc mọi yếu tố (phương pháp, phương tiện, môi trường học, động cơ học...) để không chỉ dừng lại ở việc hoàn thành tốt các bài thi năng lực tiếng Hàn mà còn cần đạt được mục tiêu học tập lâu dài của bản thân trong tương lai. Nếu tìm ra được phương pháp học từ vựng phù hợp thì chúng ta sẽ có thể đạt được những kết quả tốt. Trong bài viết này, tác giả đã đưa ra một số phương pháp dạy và học từ vựng trong tiếng Hàn, hi vọng sẽ giúp cho giáo viên và sinh viên tìm ra cách dạy và học từ vựng hiệu quả nhất để chinh phục từ vựng trong tiếng Hàn, từ đó có thể sử dụng linh hoạt trong giao tiếp, công việc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Đỗ Hữu Châu, *Cơ sở ngữ nghĩa học từ vựng*, Nxb Giáo dục, 1998.
2. Nguyễn Thiện Giáp, *Từ vựng học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, 1998.

Tiếng Hàn

3. 김광해, *국어 어휘론 개설*, 집문당, 2004. (Kim Kwang Hae, *Tổng quan từ vựng tiếng Hàn*, Nxb Jipmoondang, 2004).
4. 김광해, *어휘연구의 실제와 응용*, 집문당, 1995. (Kim Kwang Hae, *Ứng dụng và thực tiễn của nghiên cứu từ vựng*, Nxb Jipmoondang, 1995).
5. 김은혜, *외국어로서의 한국어 어휘 교육론, 역락*, 2017. (Kim Eun Hye, *Giảng dạy tiếng Hàn Quốc như một ngoại ngữ*, Nxb Youkrack, 2017).
6. 조현용, *한국어 어휘교육 연구*, 박이정, 2007. (Jo Hyun Yong, *Nghiên cứu giảng dạy từ vựng tiếng Hàn*, Nxb Pagijong, 2007).
7. 이익섭, *국어학개설*, 학연사, 2016. (Lee Ik Seop, *Tổng quan tiếng Hàn*, Nxb Hakyounsa, 2016).
8. <http://topik.go.kr>. Ngày truy cập 02/5/2022.